

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

Số: **4188/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Củ Chi, ngày **15** tháng **5** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024 trên địa bàn huyện Củ Chi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 640/TTr-GDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024 trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT Thành phố;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- UB. MTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- TT. Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện;
- Hội Khuyến học huyện;
- Hội Cựu Giáo chức huyện;
- TT GDNN-GDTX; Trường Trung cấp nghề Củ Chi;
- Các trường MN, TH, THCS, THPT;
- Lưu: VT, PGDĐT.2. TTDiem.18.



Nguyễn Thị Hằng

KẾ HOẠCH

Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp

Năm học 2023 - 2024

*(Kèm theo Quyết định số 4188/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Phân đầu đủ chỗ học cho con em Nhân dân trên địa bàn huyện, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình nghèo, công nhân, mồ côi; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học bắt buộc đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

2. Đảm bảo 100% trẻ trong độ tuổi đi học kể cả tạm trú đều được đến trường. Phân đầu 100% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 và khuyến khích học sinh các lớp còn lại được học 2 buổi/ngày nhằm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời xây dựng Kế hoạch năm học tiếp theo cho lớp 5 cũng được học 2 buổi/ngày.

Khuyến khích tiếp tục phát triển trường thực hiện chương trình chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại huyện; các trường trung học tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh, dạy môn Toán và các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của huyện.

Khuyến khích tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam. Chú trọng triển khai Quyết định 762/QĐ-UBND ngày 8 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế, giai đoạn 2021-2030.

3. Thực hiện đúng quy chế tuyển sinh ở mỗi cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

4. Phân đầu 100% việc đăng ký và nhập học bằng hình thức trực tuyến (theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo), trong đó cha mẹ học sinh và học sinh thực hiện hai giai đoạn: kiểm tra thông tin tuyển sinh và xác nhận

nhập học trên hệ thống dữ liệu tuyển sinh đầu cấp của Sở Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn>.

Việc nộp hồ sơ giấy trực tiếp tại trường sau khi đã xác nhận nhập học sẽ thực hiện theo Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp của huyện. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non

- Lớp Lá:

+ Dân số có độ tuổi sinh năm 2018 (5 tuổi): 4.627 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 4.627 trẻ, tỷ lệ 100%

- Lớp Chồi:

+ Dân số có độ tuổi sinh năm 2019 (4 tuổi): 5.923 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 5.923 trẻ, tỷ lệ 100%

- Lớp Mầm:

+ Dân số có độ tuổi sinh năm 2020 (3 tuổi): 3.958 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 3.958 trẻ, tỷ lệ 100%

- Nhóm trẻ:

+ Tổng số trẻ nhà trẻ: 1.932 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 1.266 trẻ, tỷ lệ: 66,55%

- Trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi:

+ Tổng số trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi: 1.032 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 27 trẻ, tỷ lệ: 2,6%

2. Tuyển sinh vào lớp 1

- Dân số độ tuổi sinh năm 2017 (6 tuổi): 6.262 trẻ

- Dự kiến tuyển sinh: 6.262 trẻ, tỷ lệ: 100%

- Lớp học 2 buổi/ngày: 201 lớp

- Tăng cường ngoại ngữ: 53 lớp

- Đề án Tiếng Anh tích hợp: 01 lớp

- Số học sinh bán trú: 2723 học sinh

- Số lớp bán trú: 144 lớp

3. Tuyển sinh vào lớp 6

- Dự kiến số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 8.578

- Dự kiến tuyển sinh: 8.578/8.578 (100 %)
- Tổng số lớp: 186. Trong đó:
 - + Lớp học 01 buổi/ngày: 40 lớp
 - + Lớp học 2 buổi/ ngày: 146 lớp
- Tăng cường ngoại ngữ: 16 lớp
- Đề án Tiếng Anh tích hợp: 01 lớp

4. Tuyển sinh vào lớp 10 và các hệ tương đương

- Dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 6.550 học sinh
- Dự kiến tuyển vào lớp 10 và các hệ tương đương: 6.229 học sinh (95 %)

B. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ VÀO TRƯỜNG MẦM NON

1. Phần đầu huy động 100% trẻ năm tuổi đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào trường mầm non theo kế hoạch do Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp của huyện (gọi tắt là Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp) quy định. Có kế hoạch để phân đầu đảm bảo chỗ học cho trẻ dưới năm tuổi. Tăng dần tỷ lệ huy động trẻ ở độ tuổi nhà trẻ đến trường.

Phần đầu đặt mục tiêu cho tất cả các trẻ trong độ tuổi đều phải được khai báo hoặc cập nhật thông tin lên hệ thống trực cơ sở dữ liệu về tuyển sinh của ngành giáo dục Thành phố (trong đó thông tin “nơi ở hiện tại” cần được rà soát và cập nhật chính xác) và phải có mã định danh cá nhân.

Trường hợp học sinh chưa có dữ liệu, Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp hướng dẫn, xem xét và bố trí chỗ học hợp lý.

2. Các cơ sở giáo dục mầm non tư thục nhận trẻ năm tuổi phải thực hiện đầy đủ chương trình mầm non năm tuổi và phân đầu đảm bảo số giáo viên theo quy định.

- Căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, Hiệu trưởng có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo và diện tích phòng sinh hoạt chung đảm bảo 1,5m² - 1,8m² cho một trẻ.

- Đối với Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo độc lập tư thục: nhận trẻ đúng theo quyết định của UBND xã, thị trấn về việc thành lập nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

- Đối với trẻ 5 tuổi: Không dạy lớp ghép, đảm bảo có đủ giáo viên, đủ trang thiết bị theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi – thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số thiết bị quy định tại Danh mục đồ dùng – đồ chơi – thiết bị dạy học tối

thiếu dùng cho giáo dục mầm non kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT; Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-GDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện sĩ số trẻ trên lớp đúng Điều lệ trường Mầm non theo từng độ tuổi: nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ; từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ; từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ; lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi: 25 trẻ; 4 – 5 tuổi: 30 tuổi; 5 – 6 tuổi: 35 trẻ.

* **Lưu ý:** Theo khoản 3, Điều 15 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non quy định: “Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 2 trẻ em khuyết tật học hòa nhập”.

- Trường mầm non Thị Trấn Củ Chi 2 tiếp tục thực hiện xây dựng Trường tiên tiến hiện đại đối với các trẻ lớp mầm (3-4 tuổi); lớp chồi (4-5 tuổi) và lớp lá (5-6 tuổi) theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao Trường tiên tiến hội nhập quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công tác tuyển sinh dự kiến bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 (lập đầy đủ danh sách trẻ) và công bố kết quả đồng loạt vào ngày 01 tháng 8 năm 2023. Đảm bảo việc thực hiện bộ hồ sơ nhập học và phiếu khảo sát đầu vào cho trẻ.

Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

1. Tuyển sinh vào lớp 1

a) Phần đầu huy động 100% trẻ 06 tuổi đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào học lớp 1, danh sách do Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quy định.

Triển khai việc tuyển sinh theo hình thức trực tuyến. Trong đó đặt mục tiêu tất cả các trẻ vào lớp 1 đều phải được khai báo hoặc cập nhật thông tin lên hệ thống trực cơ sở dữ liệu về tuyển sinh của ngành giáo dục Thành phố (trong đó thông tin “nơi ở hiện tại” cần được rà soát và cập nhật chính xác) và phải có mã số định danh của học sinh.

Không nhận học sinh học sớm hơn tuổi quy định. Không nhận học sinh ngoài danh sách nếu chưa nhận đủ số lượng học sinh theo danh sách phân bổ của Ủy ban nhân dân huyện.

b) Phân đầu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 học sinh/lớp).

c) Thực hiện Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025. Tổ chức làm quen tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

d) Thực hiện Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”. Tổ chức cho học sinh lớp 1, 2 và các lớp khác làm quen môn Tin học theo nhu cầu của học sinh và theo lộ trình riêng của Thành phố. Phân đầu tỷ lệ học sinh bán trú: đạt từ 40% trở lên.

đ) Công tác tuyển sinh dự kiến bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 01 tháng 8 năm 2023. Đối với các trường còn thiếu chỉ tiêu so với phân bổ của Ủy ban nhân dân huyện thì danh sách bổ sung chỉ tiêu phải do Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp xét duyệt.

2. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh):

- Tổ chức tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh) cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học lớp 1 tiếng Anh tăng cường (kèm phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 tăng cường tiếng Anh trường tiểu học).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2023

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2023

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đăng ký học lớp 1 tiếng Anh tăng cường (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- Đối với các loại hình lớp học tăng cường ngoại ngữ ở tiểu học, hằng năm Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm xem xét đưa ra khỏi loại hình này các học sinh không theo kịp chương trình và tổ chức khảo sát tuyển bổ sung nhưng phải bảo đảm sĩ số không vượt quá theo quy định.

3. Tuyển sinh vào lớp 1 Chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố

Tiếp tục thực hiện tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi trên cơ sở trường lớp đạt theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp chương trình: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường tiểu học).

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học chương trình: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2023

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2023

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- **Lưu ý:** Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 1 theo địa bàn quy định.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Tuyển sinh vào lớp 6

Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn nào thì được vào học lớp 6 ở các loại hình trường trên địa bàn đó. Phân đầu đảm bảo 100% chỗ học cho học sinh trong độ tuổi quy định đang cư trú trên địa bàn, đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học được vào học lớp 6 theo tuyển do Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp quy định (kèm phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường trung học cơ sở).

Triển khai việc tuyển sinh theo hình thức trực tuyến. Trong đó đặt mục tiêu tất cả các học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học đều phải được khai báo hoặc cập nhật thông tin lên hệ thống trực cơ sở dữ liệu về tuyển sinh của ngành giáo dục Thành phố (trong đó thông tin “nơi ở hiện tại” cần được rà soát và cập nhật chính xác) và phải có mã định danh của học sinh.

Trường hợp học sinh chưa có dữ liệu, Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp hướng dẫn, xem xét và bố trí chỗ học hợp lý.

Không nhận học sinh ngoài danh sách nếu chưa nhận đủ số lượng học sinh theo danh sách phân bổ của Ủy ban nhân dân huyện. Trường hợp nhận học sinh ngoài danh sách do Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp xét duyệt.

Sĩ số học sinh không vượt quá 45 học sinh/lớp.

Công tác tuyển sinh dự kiến bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 và được công bố kết quả đồng loạt vào ngày 01 tháng 8 năm 2023. Đối với các trường còn thiếu chỉ tiêu so với phân bổ của Ủy ban nhân dân huyện thì danh sách bổ sung chỉ tiêu phải do Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp xét duyệt.

2. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường ngoại ngữ (tiếng Anh)

- Điều kiện: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện (chỉ xét tuyển theo tuyển) (kèm phụ lục 5a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 tăng cường tiếng Anh trường trung học cơ sở) và đảm bảo điều kiện theo phụ lục 5b (đính kèm).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2023

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 01/8/2023

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 6 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)

+ Học bạ (bản chính) cấp tiểu học

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu tại phụ lục 5b (đính kèm).

3. Tuyển sinh vào lớp 6 “Chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố

- Tiếp tục thực hiện tại Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2 trên cơ sở trường lớp đạt theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp tiếng Anh tích hợp và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 5c: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 chương trình tích hợp: “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường trung học cơ sở”).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Đối tượng tuyển:

+ Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ năng lực tiếng Anh đáp ứng một trong các điều kiện nêu trong phụ lục II,

phụ lục 5d (đính kèm) về điều kiện tiếp nhận học sinh vào lớp 6 Chương trình tiếng Anh tích hợp.

- Thời gian tuyển sinh:
- + Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 01/7/2023
- + Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 01/8/2023
- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn xin nhập học lớp 6 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 phát hành)
- + Học bạ cấp tiểu học và Học bạ tiếng Anh tăng cường (bản sao có công chứng)
- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
- + Mục 1, phụ lục 5d (đính kèm).
- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 6 bình thường vào trường trung học cơ sở theo địa bàn quy định.

IV. TUYỂN SINH LỚP 10

Việc đăng ký tuyển sinh đối với lớp 10 các trường công lập, trường chuyên sẽ được triển khai theo hình thức trực tuyến.

1. Tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông (thực hiện theo Hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố)

1.1. Tuyển thẳng vào lớp 10 trung học phổ thông:

- Đối tượng: học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2022 - 2023 tại huyện thuộc diện:

- + Học sinh khuyết tật (có giấy chứng nhận theo quy định).
- + Học sinh đạt các điều kiện: đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (giải quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc đồng tổ chức; giải quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố cử dự thi).

- Học sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng làm đơn đăng ký xét tuyển thẳng với 3 nguyện vọng vào các trường trung học phổ thông gần nơi cư trú trên địa bàn Thành phố phù hợp năng lực và điều kiện học tập (ngoại trừ các trường trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông có lớp chuyên, các trường thực hiện chương trình chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”).

Riêng học sinh đạt giải cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc các học sinh đạt giải quốc tế các bộ môn thi tương ứng trong Chương trình Giáo dục phổ thông quốc gia được phép đăng ký nguyện vọng tuyển thẳng

vào tất cả các trường trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh (ngoại trừ trường chuyên).

Hồ sơ xét tuyển gồm: đơn xét tuyển thẳng và giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy chứng nhận đạt giải cấp quốc gia và quốc tế hợp lệ do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp hoặc được Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen (đối với các cuộc thi quốc tế)

* Lưu ý: các hồ sơ tuyển thẳng phải được nộp đúng thời gian quy định (nộp trực tuyến theo hướng dẫn).

1.2. Tuyển sinh lớp 10 các trường công lập:

a) Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2022 - 2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định đều được tham gia dự thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông công lập.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển.

Học sinh được đăng ký 3 nguyện vọng ưu tiên 1, 2, 3 để thi tuyển vào lớp 10 các trường trung học phổ thông công lập (trừ Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và Trường phổ thông Năng khiếu thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

- Lưu ý:

+ Học sinh lựa chọn đăng ký nguyện vọng gần nơi cư trú. Tránh trường hợp trúng tuyển nhưng không nộp hồ sơ.

+ Học sinh không được thay đổi nguyện vọng sau thời gian cho phép điều chỉnh nguyện vọng và sau khi có kết quả trúng tuyển.

b) Chế độ ưu tiên:

- Cộng 2 điểm cho một trong các đối tượng:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên".

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng:

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;

+ Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Cộng 1 điểm cho một trong các đối tượng:

+ Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

+ Người dân tộc thiểu số;

- Lưu ý: Các hồ sơ thuộc chế độ ưu tiên phải được nộp đúng thời gian quy định (nộp trực tuyến theo hướng dẫn).

c) Môn thi, ngày thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi, điểm cộng thêm và điểm thi tuyển:

- Môn thi:

Thi tự luận ba môn: Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ.

- Ngày thi dự kiến: 06 và 07 tháng 6 năm 2023.

- Thời gian làm bài thi:

+ Môn Ngữ văn, môn Toán: 120 phút/môn thi.

+ Môn Ngoại ngữ: 90 phút.

- Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

+ Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được tính theo thang điểm từ điểm 0 (không) đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

+ Hệ số điểm bài thi: môn Toán, môn Ngữ văn và Ngoại ngữ đều có hệ số 1.

- Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên tối đa không quá 3 (ba) điểm.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm ba bài thi và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên. Thí sinh trúng tuyển phải dự thi đủ ba bài thi và không có bài thi nào bị điểm 0 (không).

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh từng trường, căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký các nguyện vọng và điểm xét tuyển, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh sẽ xét duyệt và công bố điểm chuẩn của từng trường theo nguyên tắc điểm chuẩn nguyện vọng 2 không thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 1 và điểm chuẩn nguyện vọng 3 không thấp hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2.

Việc trúng tuyển của học sinh sẽ căn cứ vào 3 nguyện vọng mà học sinh đã đăng ký theo thứ tự ưu tiên từ nguyện vọng 1 đến nguyện vọng 2 và nguyện vọng 3.

Các trường chỉ được nhận các học sinh trúng tuyển vào lớp 10 theo đúng danh sách mà Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã xét duyệt (nhận hồ sơ trực tuyến).

Học sinh không trúng tuyển cả 3 nguyện vọng thì có thể đăng ký xét tuyển lớp 10 tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên, các trường tư thục hoặc tham gia các loại hình giáo dục, đào tạo khác.

2. Tuyển sinh vào Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện

- Điều kiện: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở có thể đăng ký xét tuyển vào học Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện (kèm phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên).

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trung tâm theo các đợt tuyển sinh trong năm do trung tâm quy định.

V. Việc xét tuyển trẻ mầm non, học sinh lớp 1, lớp 6 học ngoài danh sách theo kế hoạch quy định tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện

Sau khi các trường tuyển sinh hết số trẻ, số học sinh theo chỉ tiêu đã được Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định, nếu các trường còn khả năng nhận, Ban Chỉ đạo tuyển sinh sẽ xem xét và xét tuyển bổ sung đối với những học sinh ngoài danh sách theo kế hoạch quy định theo nguyện vọng chính đáng của cha mẹ học sinh.

1. Điều kiện xét tuyển học sinh ngoài danh sách theo kế hoạch quy định

- Chỉ giải quyết ngoài tuyển đối với những trường còn khả năng nhận và đảm bảo số học sinh trong một lớp không vượt Điều lệ trường mầm non, Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ trường trung học cơ sở.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh là người dân tộc thiểu số, con gia đình chính sách, có cha hoặc mẹ đang làm việc tại các đơn vị gần trường học nơi cha mẹ đang công tác.

- Học sinh là con của bộ đội, chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ đặc biệt dài hạn; con của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có khó khăn trong việc đưa đón trẻ được ưu tiên xét tuyển vào học tại các trường học gần nơi cha mẹ đang công tác.

Lưu ý: Điều kiện ưu tiên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học sinh xin học ngoài danh sách theo kế hoạch quy định (gần nhà hoặc gần cơ quan

của cha mẹ) để thuận tiện cho việc đưa đón. Học sinh nộp hồ sơ ngoài danh sách theo kế hoạch quy định vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển theo danh sách thuộc địa bàn bình thường.

2. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị xét tuyển ngoài danh sách địa bàn quy định của cha mẹ học sinh có xác nhận của cơ quan nơi cha hoặc mẹ đang công tác để làm cơ sở xét tuyển. Các trường hợp còn lại phải có xác nhận của địa phương nơi trẻ đang cư trú.

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ
- Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị (nếu có)
- Giấy chứng minh công an nhân dân hoặc chứng minh quân nhân của cha, mẹ (nếu có).

3. Trình tự, thời gian xét tuyển

- Bước 1: Từ ngày 15/7 đến 20/7/2023, tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ và lập danh sách tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh.

- Bước 2: Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp xét duyệt từng trường hợp xin học ngoài danh sách theo kế hoạch quy định.

- Bước 3: Hội đồng tuyển sinh trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách đề nghị xét tuyển ngoài danh sách theo kế hoạch quy định.

- Bước 4: Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách học sinh ngoài danh sách theo kế hoạch quy định.

- Bước 5: Các trường nhận danh sách học sinh ngoài danh sách theo kế hoạch quy định đã được phê duyệt từ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và niêm yết công khai tại bảng thông tin của đơn vị.

- Bước 6: Hiệu trưởng công khai danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt cho cha mẹ học sinh và học sinh biết và sắp xếp chỗ học cho học sinh.

4. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ

- Đối với trường hợp xin học ngoài danh sách theo địa bàn quy định ở Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi, Trường Trung học cơ sở Thị Trấn 2: Từ ngày 15/8 đến hết ngày 19/8/2023, cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi.

- Đối với các trường hợp khác: Từ ngày 15/7 đến hết ngày 20/7/2023, cha mẹ học sinh nộp hồ sơ tại trường xin học ngoài danh sách theo kế hoạch quy định. Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận, kiểm tra đối chiếu hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách và gửi về Ban Chỉ đạo tuyển sinh (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) để tổ chức xét duyệt. Thời gian gửi hồ sơ, danh sách chậm nhất ngày 25/8/2023.

Lưu ý: Sau khi tiếp nhận hết số học sinh theo chỉ tiêu, nếu trường còn khả năng nhận theo kế hoạch tuyển sinh thì Hiệu trưởng mới tổ chức tiếp nhận.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024 đến các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên và Trường Trung cấp nghề Củ Chi để có kế hoạch thực hiện.

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024 để chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ công tác tuyển sinh của huyện và ở các trường; tham mưu thành lập Hội đồng tuyển sinh ngoài danh sách địa bàn quy định và Tổ tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ tuyển sinh các lớp đầu cấp.

2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024; vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” vào đầu năm học mới.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể huyện

Phối hợp cùng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của kế hoạch này; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người dân đưa trẻ đến trường.

4. Công an huyện

Xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự và phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tổ chức an toàn các kỳ thi.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024 trên địa bàn.

- Thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn.

- Triển khai đến các đơn vị trường học, Ban nhân dân các ấp, Ban điều hành khu phố, các ban ngành đoàn thể tổ chức thực hiện công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp theo đúng tiến độ. Tích cực vận động người dân thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”.

- Phối hợp ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp rà soát dữ liệu tuyển sinh đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Rà soát, lập danh sách và vận động các đơn vị hỗ trợ sách, vở, quần áo,... cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trước ngày khai giảng năm học mới.

6. Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh đầu cấp.

- Phổ biến những thông tin cần thiết để cha mẹ học sinh và học sinh biết, tìm hiểu về trường mới trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh thực hiện công tác đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến, hướng dẫn tìm hiểu thông tin các trường, các chương trình, loại hình học tập để cha mẹ đăng ký nguyện vọng phù hợp. Công khai các mẫu đơn và thủ tục nhập học trên Cổng Thông tin điện tử của các trường; triển khai thủ tục tuyển sinh theo Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống tuyển sinh trực tuyến, phát triển và bổ sung các tính năng còn sót và đồng thời tiến hành cập nhật toàn bộ dữ liệu học sinh sẽ tham gia tuyển sinh vào các lớp đầu cấp tại địa bàn lên trực cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố tại địa chỉ: csdl.hcm.edu.vn.

- Tuyệt đối không giải quyết cho học sinh chuyển trường đối với các lớp đầu cấp nếu không có lý do chính đáng hoặc được Ban Chỉ đạo tuyển sinh đầu cấp của huyện xét duyệt.

D. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 15 tháng 6 năm 2023, các trường phối hợp với Ban Nhân dân ấp, Ban Điều hành khu phố gửi thư mời đến phụ huynh có trẻ trong độ tuổi đến trường để vận động các em ra lớp.

- Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2023 - 2024 ở các xã, thị trấn báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) theo mốc thời gian như sau:

+ Lần 1: Ngày 14 tháng 7 năm 2023.

+ Lần 2: Ngày 21 tháng 7 năm 2023.

+ Lần 3: Ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Trên đây là Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp, năm học 2023-2024 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. Đề nghị các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hằng

PHỤ LỤC 1: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG NHÓM TRẺ, LỚP MẦM, CHỖ VÀ LÁ CÔNG LẬP VÀ
NGOẠI CÔNG LẬP NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 4488/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
TỔNG CỘNG:								2	27	59	1266	192	3958	230	5923	204	4627	6537	100%
1. Công lập								2	27	30	725	82	2070	116	3375	173	4627	5603	100
1	Tân Phú Trung	377	MN Tân Phú Trung 1	Áp Đình, Áp Giữa, Bến Đò 1, Bến Đò 2, Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung.	19	34	19			1	25	4	100	5	150	9	223	315	100
2			MN Tân Phú Trung 2	Áp Chợ, Láng Cát, Giồng Sao, Phú Lợi, Trạm Bom, ấp Cây Đa, xã Tân Phú Trung.	11	17	10					2	50	3	90	5	154	175	100
3	Tân Thông Hội	483	MN Tân Thông Hội 1	Áp Bàu Sím, hẻm 218 tổ 4, tổ 5a, 6, 8, 9 của ấp Hậu, tổ 1,2,3,4,9 ấp Trung - xã Tân Thông Hội và tổ 1,2 của ấp 2 - xã Phước Vĩnh An.	11	21	10			1	25	3	75	3	90	3	82	90	100



STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
4	Tân Thông Hội	483	MN Tân Thông Hội 2	Ấp Thượng, tổ 6 đến tổ 16 ấp Tân Định, tổ 1, 2, 2a, 3, 5, 7, 1/2 đường số 28 tổ 4 ấp Hậu, QL 22, tổ 1, 2a, 2b, 3a, 3b ấp Tân Tiến và tổ 3, 4a, 4b, 5, 8, 9a, 9b, 10, 11 của ấp 3 (xã Phước Vĩnh An).	17	34	17	1	12	3	75	4	100	4	120	5	128	175	100
5			MN Tân Thông Hội 3	Ấp Chánh, ấp Tiền và tổ 5,6,7,8,10 của ấp Trung-xã Tân Thông Hội.	11	18	10					2	50	3	90	5	131	145	100
6			MN Tân Thông Hội 4	Ấp Tân Lập, Tân Tiến, Tân Thành và tổ 1, 2, 3, 4, 5 của ấp Tân Định - xã Tân Thông Hội	11	17	10					2	50	3	90	5	142	142	100
7	Thị trấn Củ Chi	204	MN Thị trấn Củ Chi 1	Khu phố 3, KP 8, tổ 3, 7 KP 1, tổ 4 KP 4, tổ 1,2 KP 5, tổ 3 KP 6 - Thị trấn Củ Chi, tổ 1, 2, 3 ấp Tây xã Tân An Hội và tổ 6, 7, 10 ấp Tân Thành - xã Tân Thông Hội.	10	14	10					1	30	4	75	5	63	115	100
8	Thị trấn Củ Chi	204	MN Thị trấn Củ Chi 2	Khu phố 2, khu phố 4, khu phố 6 và tổ 1,2,3 của khu phố 7 - Thị trấn Củ Chi	20	42	20	1	15	7	165	4	100	4	120	4	85	140	100
9	Thị trấn Củ Chi	204	MN Thị trấn Củ Chi 3	Khu phố 1, khu phố 5, khu phố 7 và tổ 7, 8 của khu phố 8 - Thị trấn Củ Chi	19	34	17			2	50	5	125	5	150	5	46	175	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
10	Thị Trấn Cù Chi	204	MN Tây Bắc	Tổ 4 KP 1, tổ 6 KP 8 - TT Cù Chi và các trẻ có ba hoặc mẹ làm việc ở khu công nghiệp Tây Bắc.	12	17	10			2	50	2	60	3	90	3	10	75	100
11	Phước Hiệp	207	MN Phước Hiệp	Áp Mũi Cồn Dại, Mũi Cồn Tiều, Trại Đèn, Cây Trôm, Ba Sa, Phước Hòa, Trung Viêt, xã Phước Hiệp	16	20	11			1	25	2	50	2	60	6	207	207	100
12	Thái Mỹ	175	MN Thái Mỹ	Áp Bình Hạ Đông, Bình Hạ Tây, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Bình Thượng 1, Bình Thượng 2, ấp Tháp, xã Thái Mỹ.	13	25	13			1	20	3	75	4	120	5	175	175	100
13	Trung Lập Hạ	140	MN Trung Lập Hạ	Áp Trung Hòa, Lão Tảo Trung, Gia Bè, Xóm Mới, Trảng Lắm, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ.	16	21	11					3	75	3	90	5	140	159	100
14	Nhuận Đức	155	MN Nhuận Đức	Áp Bầu Chứa, Bầu Cạp, Bầu Tròn, Bầu Trăn, Xóm Bung, Canh Lý, Ngã Tư, Đức Hiệp, Bến Đình, xã Nhuận Đức.	18	21	11			1	20	2	60	3	90	5	155	175	100
15	An Nhơn Tây	230	MN An Nhơn Tây	Áp Ba Sòng, Bầu Đưng, Gò Nổi, Gò Nổi A, Xóm Mới, Lô 6, Xóm Trại, Gót Chàng, Bến Mương, Chợ Cũ, Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây.	22	26	15					3	75	4	120	8	230	250	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
16	Phú Mỹ Hưng	109	MN Hoàng Minh Đạo	Ấp Phú Lợi, Phú Thuận, Phú Hiệp, Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng.	12	18	10			1	25	2	60	3	90	4	109	140	100
17	Phạm Văn Cội	135	MN Phạm Văn Cội 1	Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5 - xã Phạm Văn Cội, tổ 5,7 của ấp Đức Hiệp, tổ 6 đến tổ 11 ấp Bến Đình, và tổ 2,3 của ấp Bàu Cạp - xã Nhuận Đức.	11	21	11			1	25	3	75	3	90	4	80	140	100
18	Phạm Văn Cội		MN Phạm Văn Cội 2	Ấp 1, ấp 2 - xã Phạm Văn Cội, tổ 107,108,109, 110 của ấp Cây Trắc và tổ 6, 6a, 7, 8, 8a, 9, 10, 10a của ấp Phú Hiệp, tổ 69 ấp Cây Trăm, tổ 94a, 94b ấp Phú An, xã P.H.Đông; tổ 2, 3, 4 ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức.	12	14	10			1	20	2	50	3	80	4	55	110	100
19	Phú Hòa Đông	246	MN Phú Hòa Đông	Phú An, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Lợi, tổ 1, 1a,2, 3, 3a, 4, 4a, 5 Phú Hiệp, Cây Trăm, Bến Cỏ, tổ 105, 106 Cây Trắc, ấp Chợ, Phú Trung, Phú Hòa, Phú Bình - xã Phú Hoà Đông.	19	38	19			1	25	4	100	6	180	8	246	280	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trưởng mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
20	Phước Vĩnh An	145	MN Phước Vĩnh An	Áp 1, tổ 3,4 ấp 2, tổ 1, 2, 6a, 6, 7, 12, 16, 17 ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp 6 - xã P.V.An và tổ 1,2,4 của ấp Cây Đa - xã Tân Phú Trung.	15	19	13					2	50	4	120	7	145	195	100
21	Tân Thạnh Đông	458	MN Tân Thạnh Đông	Áp 1, 2, 2A, 3A, 3B, 4, 4A, 8, 9, 9A, 10, 11, 11A xã Tân Thạnh Đông.	16	33	16					1	25	5	150	10	286	350	100
22			MN Nguyễn Thị Dậu	Áp 5, 6, 6A, 7, 7A, 12, xã Tân Thạnh Đông.	16	15	11					2	50	3	90	6	172	210	100
23	Tân Thạnh Tây	160	MN Tân Thạnh Tây	Áp 1, 1A, 2, 2A, 3, 3A, xã Tân Thạnh Tây	30	23	11		1	25	3	2	50	3	90	5	160	175	100
24	Trung An	301	MN Trung An 1	Áp Chợ, An Hòa, An Bình, Bồn Phú, xã Trung An	15	18	10		1	25	3	2	50	3	60	4	126	140	100
25			MN Trung An 2	Thạnh An, Hội Thạnh - xã Trung An và tổ 6 7 8 9 10 của ấp 12 - xã Tân Thạnh Đông.	12	25	12		1	25	3	3	75	3	90	5	175	175	100
26	Hòa Phú	160	MN Hòa Phú	Áp 1, 1A, Áp 2, 2A, Áp 3, Áp 4, Áp 5, xã Hòa Phú.	14	20	14		1	25	4	4	100	4	120	5	160	175	100
27	Bình Mỹ	109	MN Bình Mỹ	Áp 1, Áp 2, Áp 3, Áp 4A, 4B-Bình Hòa, 4B - Mỹ Suong, Áp 5, Áp 6A, 6B, Áp 7, Áp 8, xã Bình Mỹ.	23	22	16		1	25	2	2	50	4	100	9	109	175	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
28	Phước Thành	180	MN Phước Thành	Ấp Chợ, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước An, Bàu Điều, Mây Đẳng, Mít Nài, Bàu Điều ấp Thượng, Vườn Trầu, Bàu Trầu, xã Phước Thành.	25	29	14			1	25	2	50	5	150	6	180	210	100
29	Trung Lập Thượng	129	MN Trung Lập Thượng	Ấp Sa Nhỏ, Đồng Lớn, Trung Hiệp Thượng, Ấp Ràng, Lão Tảo Thượng, Trung Hưng, Trung Bình, Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng.	16	20	10					2	50	4	120	4	129	140	100
30	Tân An Hội	365	MN Tân An Hội	Ấp Bàu Tre 2, Xóm Chùa, Ấp Tây, Ấp Hậu, Xóm Huế, Cây Sộp, xã Tân An Hội.	13	16	9					2	35	3	90	4	170	125	100
31			MN Tân An Hội 2	Ấp Tam Tân, Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Bàu Tre 1, xã Tân An Hội.	12	18	11			1	25	2	50	3	90	5	195	175	100
32	An Phú	159	MN An Phú	Ấp An Hòa, An Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuốc, Phú Bình, Phú Trung, xã An Phú	12	22	12					3	75	4	120	5	159	175	100
2. Ngoài CL					120	170	98			15	298	24	482	28	670	31	405	934	100
1	Tân Thông Hội		MN Thủy Tiên		6	12	6					2	50	2	60	2	10	70	100
2			MN Thành Danh		6	12	6			2	40	1	25	1	30	2	25	70	100
3			MN Ánh Ánh Dương		4	4	4			1	12	1	13	1	14	1	10	16	100

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
4	Thị Trấn Cù Chi		MN ABC		5	11	5			1	25	1	25	1	30	2	10	60	100
5			MN Hoa Lan		12	16	7			1	20	1	25	2	60	3	30	90	100
6			MN Sơn Ca		8	12	8			2	40	2	40	2	40	2	17	40	100
9	Tân Thạnh Tây		MN Thanh Phương		5	6	4			1	12	1	25	1	30	1	21	35	100
10	Hòa Phú		MN Tuổi Ngọc		7	14	7			1	15	1	25	2	60	3	40	100	100
11			MN Anh Dũng		5	8	5			1	22	1	25	2	30	1	15	30	100
12	Phước Thạnh		MN Hoa Hồng		6	12	6			1	25	1	25	2	60	2	25	70	100
13	Tân An Hội		MN Sư Đoàn 9		7	9	7			1	25	2	26	2	30	2	7	53	100
14	Tân Thạnh Đông		MN Bé Thông Minh		7	9	5			1	25	1	25	1	28	2	35	40	100
15			MN Ánh Dương Samho		5	5	4			1	12	1	13	1	15	1	22	30	100
16	Tân Phú Trung		MN Hoàng Anh		10	10	5					1	25	2	50	2	27	70	100
17			MN Trái Tim Thơ		12	10	8					3	39	3	45	2	46	70	100
18	Trung Lập Thượng		MN Anh Đào		9	8	5			1	25	2	26	1	28	1	15	20	100
19			MN Tường Vy		6	12	6					2	50	2	60	2	50	70	100
3. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục					212	304	186			14	243	86	1406	86	1878				
1	Tân Phú Trung		MG Phù Đồng		2	4	2					1	25	1	30				
2			MG Văn Lang		2	3	2					1	11	1	25				
3			MG Thanh Bình		2	2	2					1	11	1	14				
4			MG Búp Măng		3	5	3					1	25	2	45				

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
5	Tân Phú Trung		MG Trúc Phương		2	2	2					1	11	1	14				
6			MG Như Ý		2	4	2					1	20	1	30				
7			MG Hoa Thiên Lý		3	3	2					1	11	1	30				
8			MG Ngọc Mi		3	6	3					1	20	2	50				
9			NT Yến Nhi		2	2	2			2	25								
10	Tân Thông Hội		MG Tuổi Thân Tiên		3	4	3					1	25	2	28				
11			MG Mai Vàng		2	2	2					1	11	1	14				
12			MG Cát Tường		2	2	2					1	11	1	14				
13			NT Hải Âu		1	3	1			1	30								
14			MG Hoa Mai		3	3	3					1	11	2	30				
15	Tân An Hội		MG CVK		10	10	4					2	36	2	34				
16			MG Nụ Cười Trẻ Thơ		3	6	3					2	25	1	30				mới thành lập
17			MG Nụ Cười Hồng		2	2	2					1	11	1	14				
18			MG Cô Tiên Xanh		2	3	2					1	11	1	25				
19			MG Thiên Ân		2	4	2					1	25	1	30				
20	Trung An		MG Quốc Dũng		2	4	2					1	20	1	20				
21			MG Quốc Dũng 2		2	4	2					1	20	1	25				
22			MG Hồng Nhung		2	3	2					1	11	1	30				
23			MG Hoa Trang		2	2	2					1	11	1	14				

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
24	Trung An		MG Ánh Khang		2	3	2					1	11	1	25				
25			MG Bé Ngoan		2	3	2					1	11	1	25				
26			MG Tân Quý		2	2	2					1	15	1	20				
27			MG Ngôi Sao Xinh		2	3	2					1	11	1	25				
28			MG Khánh Linh		1	2	1						11	1	14				
29	Hoà Phú		MG Gia Hưng		2	2	2					1	11	1	14				Mới thành lập
30			MG Ánh Mai		2	3	2					1	11	1	30				
31			MG Hoa Mạ Non		2	3	2					1	11	1	30				
32			MG Bông Hoa Nhỏ		2	3	2					1	15	1	25				
33			MG Bé Xinh		2	3	2					1	11	1	29				
34	Bình Mỹ		MG Thảo My		2	4	2					1	25	1	30				
35			MG Việt Đức		4	8	4					3	50	1	20				
36			MG Ánh Dương		3	4	3					2	22	1	25				
37			MG Phát Triển		3	4	2					1	25	1	30				
38			MG Ánh Bình Minh		2	5	2					1	25	1	35				
39			MG Măng Non		3	5	3					2	28	1	28				
40			MG Hoa Hồng Nhung		3	3	2					1	20	1	14				
41			MG Thảo Ngọc		2	4	2					1	25	1	30				
42			MG Bồ Câu Trắng		2	3	2					1	15	1	14				
43			MG Quỳnh Anh		1	2	1						11	1	14				

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
44	Bình Mỹ		MG Việt Anh		4	9	4					2	34	2	36				
			MG Sóc Nâu		2	3	2					1	11	1	25				
			MG Năng Sải Gòn		2	3	2					1	11	1	30				
			MG Búp Non (búp Măng cũ)		3	3	2					1	11	1	14				
			MG Sao Ban Mai		2	3	2					1	15	1	14				
49			MG Mặt Trời		4	4	4					2	22	2	28				
50			MG Giắc Mo Nhỏ Bé		1	2	1						11	1	14			mới thành lập	
51	Phú Hoà Đông		MG Thương Hiền		3	6	3					2	33	1	17				
52			MG Như Quỳnh		2	4	2					1	25	1	30				
53			MG Vân Anh		2	4	2					1	25	1	30				
54			MG Dầu Tây		2	3	2					1	11	1	20				
55			MG Vy Vy		2	3	2					1	11	1	22				
56			MG Ánh Sao		2	4	2					1	25	1	30				
57			MG Mặt Trời Hồng		2	3	2					1	11	1	30				
58	Tân Thạnh Đông		MG Vân Anh 2		2	4	2					1	25	1	30				
59			MG Sắc Cầu Vồng		4	5	4					3	36	1	24				
60			MG Sao Mai Hồng		2	2	1						11	1	14				
61			MG Thông Minh		4	5	2					1	25	1	30				
62			MG Khả Hân		2	4	2					1	25	1	30				
63			NT Oanh Vàng		2	4	2			2	40								

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trưởng mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khả năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
								Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ		
64	Tân Thạnh Tây		MG Minh An		2	4	2					1	20	1	25				
65			MG Huệ Anh		3	4	2					1	20	1	20				
66	Thị Trấn		MG Trê Thơ		2	4	2					1	20	1	25				
67			MG Bắc Hà		2	4	2					1	20	1	25				
68			MN Hoàng Yến		2	2	2					1	11	1	14				
69			NT Thanh Hằng		2	2	1			1	15								
70			NT Trâm Anh		2	2	2			2	25								
71	Phước Vĩnh An		NT Bảo Thy		2	2	1			1	20								
72			MG Sen Việt		2	3	2					1	11	1	15				
73			MG Thanh Trúc		2	3	2					1	11	1	25				
74			MG Hoa Tigon		3	4	3					2	22	1	18				
75			MG Minh Anh		2	3	2					1	11	1	25				
76	Phước Hiệp		MG Tiến Đạt		3	4	2					1	25	1	25				
77			NT Thanh Đồng Việt		2	2	2			2	25								
78			MG Hạnh Phúc		2	2	2					1	11	1	14				
79	Phước Thạnh		NT Bé Thơ		2	2	1			1	25								
80			MG Cát Cánh Xanh		4	4	2					1	20	1	20			mới thành lập	
81	Phạm Văn Cội		MG Hoa Phượng		2	4	2					1	25	1	25				
82			MG Thanh Lan		2	2	1						11	1	14				
83	Nhuận Đức		NT Đoremi		3	2	1			1	20								

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2018)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Tổng số lớp tuyển sinh 2022-2023	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm nhà trẻ sinh năm 2021		Lớp Mầm sinh năm 2020		Lớp Chồi sinh năm 2019		Lớp Lá sinh năm 2018		Khoá năng nhận số trẻ sinh năm 2018	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
84	Trung Lập Hạ		MG Con Ong Nhỏ		2	3	2					1	25	1	14				
85	Trung Lập Hạ		MG Ong Vàng		2	3	2					1	11	1	25				
86			MG Hoa Quỳnh Anh		2	2	2					1	6	1	14				
87			MG Gia Phúc		2	2	2					1	11	1	14				
88	An Phú		MG Bè Ngôi Sao		3	3	2					1	11	1	30				
89			NT Mặt Trời Nhỏ		3	2	1			1	18								

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NĂM HỌC 2023 - 2024

4884

...

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận	Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng		Số lớp					Số học sinh				
								TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoài ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú		Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú
			Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%	
			Ấp Trạm Bom, xã TPT	12	5	17											
3	Nguyễn Thị Lăng		Ấp Chợ, xã Tân Phú Trung	30	15	45											
			Cộng:	94	45	139	4	35		4				3	139	49	100%
			Ấp Thượng (tổ 9 đến tổ 15), xã TTH	35	13	48											
			Ấp Tiền, xã Tân Thông Hội	51	18	69											
4	Tân Thông	Công lập	Ấp Trung, xã Tân Thông Hội	39	15	54											
			Ấp Chánh, xã Tân Thông Hội	35	12	47											
			Cộng:	160	58	218	6	36		6	6		2	218	80	100%	
			Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội	31	10	41											
			Ấp Bàu Sím, xã Tân Thông Hội	40	13	53											
5	Tân Thông Hội	Công lập	Ấp Thượng (tổ 1 đến tổ 8), xã TTH	26	8	34											
			Tổ 3 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	2		2											
			Cộng:	99	31	130	3	43		3			3	130	40	100%	
			Ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội	45	16	61											
			Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội	28	13	41											
6	Tân Tiến	Công lập	Ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội	46	12	58											
			Ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội	36	5	41											
			Tổ 4A, 4B, 5, 9A Ấp 3, xã PVA	9		9											
			Cộng:	164	46	210	6	35		6			3	210	150	100%	
			Ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội	22	10	32											
			Ấp Tây, xã Tân An Hội	19	6	25											
			Xóm Luộc, xã Tân An Hội	31	9	40											
7	Lê Thị Pha	Công lập	Ấp Hậu, xã Tân An Hội	12	5	17											
			Tổ 8 khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	6		6											
			Cộng:	90	30	120	4	30		4				120		100%	

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động			
									Số lớp						Số học sinh				
									Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi		Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú
8	Nguyễn Văn Lịch	Công lập	Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%			
			Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội	28	18	46													
			Ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội	37	20	57													
			Ấp Tam Tân, xã Tân An Hội	11	6	17													
9	Liên Minh Công Nông	Công lập	Cộng:	76	44	120	4	35		4			4	120	50	100%			
			Ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội	36	12	48													
			Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội	38	15	53													
			Ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	39	10	49													
10	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp	8	5	13													
			Cộng:	121	42	163	5	35		5			5	175	120	100%			
			Khu phố 1, TT Củ Chi (HK ở TTCC)	35		35													
			Khu phố 7 (HK ở TTCC)	39		39													
11	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	Khu phố 8 (HK ở TTCC)	29		29													
			Cộng:	103		103	6	35		6	5	1	6	210	110	100%			
			Khu phố 2 (tổ 1, 2, 3, 4, 10, 11), TTCC	26	18	44													
			Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi	35	8	43													
12	Tân Thành	Công lập	Học sinh tạm trú khu phố 1, 7, 8 (TTCC)		52	52													
			Cộng:	61	78	139	4	35		4	4		4	139	95	100%			
			Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi	40	10	50													
			Khu phố 4, Thị trấn Củ Chi	22	9	31													
			Tổ 9B, 10, 11 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	5	4	9													
			Tổ 6, 8, 10 ấp Tân Thành xã TTH	4	5	9													
			Tổ 1, 2, 11, 12 ấp Cây Sộp, xã T.An Hội	10	11	21													
			Cộng:	81	39	120	6	35		6			6	210	210	100%			

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Công	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp				Số học sinh	
											Tăng cường ngoài ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bản trú		Tổng số HS	Trong đó số HS bản trú
			Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%
			Ấp 2, xã Phước Vĩnh An	6	2	8										
			Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	45	18	63										
			Ấp 4, xã Phước Vĩnh An	26	12	38										
13	Phước Vĩnh An	Công lập		77	32	109	3	40		3			2	109	70	100%
			Cộng:													
			Ấp 1, xã Phước Vĩnh An	24	11	35										
			Ấp 5, xã Phước Vĩnh An	33	13	46										
			Ấp 6, xã Phước Vĩnh An	23	10	33										
14	Trần Văn Chấn	Công lập		80	34	114	3	38		3	1		1	114	20	100%
			Cộng:													
			Ấp Ba Sa, xã Phước Hiệp	18	2	20										
			Ấp Mũi Côn Dại, xã Phước Hiệp	23	6	29										
			Ấp Mũi Côn Tiều, xã Phước Hiệp	13	6	19										
			Ấp Trại Đèn, xã Phước Hiệp	25	3	28										
			Ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp	30		30										
			Ấp Cây Trôm, xã Phước Hiệp	32	8	40										
			Ấp Trung Việt, xã Phước Hiệp	16		16										
			Cộng:	157	25	182	6	35		6	6		6	210	210	100%
			Ấp Chợ, xã Phước Thạnh	33	7	40										
			Ấp Phước An, xã Phước Thạnh	49	5	54										
			Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh	27	3	30										
			Ấp Mây Đẳng, xã Phước Thạnh	16		16										
			Ấp Vườn Trầu, xã Phước Thạnh	15		15										
16	Phước Thành	Công lập	Tổ 7, 8, 8A ấp Mỹ Khánh A; Tổ 1, 7 ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ	5		5										
			Cộng:	145	15	160	6	35		6				160		100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động	
									Số lớp			Số học sinh				
Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú					
			Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%
17	An Phước	Công lập	Áp Phước Hưng, xã Phước Thạnh	42	4	46										
			Áp Bàu Điều, xã Phước Thạnh	23	1	24										
			Áp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh	20	1	21										
			Áp Mít Nài, xã Phước Thạnh	8		8										
			Áp Bàu Trầu, xã Phước Thạnh	16		16										
			Cộng:	109	6	115	3	38		3				115		100%
18	Thái Mỹ	Công lập	Áp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ	33	2	35										
			Áp Bình Thượng 2, xã Thái Mỹ	15	1	16										
			Áp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ	11	2	13										
			Áp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ	35	3	38										
			Áp Tháp, xã Thái Mỹ	18	1	19										
			Mỹ Khánh A (từ tổ 1 đến tổ 6 và từ tổ 9 đến tổ 14), xã Thái Mỹ	39	3	42										
			Mỹ Khánh B (tổ 2, 4, 5, 6, 8, 8A), xã T.M	16	1	17										
			Cộng:	167	13	180	6	35		6			6	180	30	100%
19	Lê Văn Thế	Công lập	Áp Gia Bẹ, xã Trung Lập Hạ	14	3	17										
			Áp Xóm Mới, xã Trung Lập Hạ	25	17	42										
			Áp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ	32	13	45										
			Áp Cây Sộp (tổ 6 đến 10 và tổ 13 đến tổ 20), xã Tân An Hội	16		16										
			Áp Lão Táo Trung, xã Trung Lập Hạ	20	1	21										
			Áp Lão Táo Thượng, xã TLT	10		10										
			Cộng:	117	34	151	5	35		5			5	151	80	100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp			Số học sinh		
											Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Trĩng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%
			Ấp Văn Hàn, xã Trung Lập Thượng	10		10										
			Ấp Trung Hưng, xã Trung Lập Thượng	6		6										
			Ấp Trung Hiệp Thạnh (tổ 1, 2, 3), xã TL.T	7		7										
			Ấp Dồn, xã Trung Lập Hạ	33		33										
			Ấp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ	12		12										
			Ấp Trung Bình, xã Trung Lập Hạ	30		30										
			Tổ 1, 2 ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	1		1										
			Cộng:	99		99	4	35		4			4	99	50	100%
			Ấp Sa Nhỏ, xã Trung Lập Thượng	15		15										
			Ấp Đồng Lớn, xã Trung Lập Thượng	35		35										
			Ấp Ràng, xã Trung Lập Thượng	26		26										
			Ấp Trung Hiệp Thạnh, xã TL.T	22		22										
			Cộng:	98		98	3	35		3				98		100%
			Ấp Bầu Chứa, xã Nhuận Đức	14	3	17										
			Ấp Bầu Cạp, xã Nhuận Đức	13	3	16										
			Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức	5	1	6										
			Ấp Bầu Tròn, xã Nhuận Đức	24	3	27										
			Cộng:	56	10	66	3	30		3	3		3	90	30	100%
			Ấp Ngã Tư, xã Nhuận Đức	16	5	21										
			Ấp Canh Lý (tổ 1, 2, 5), xã Nhuận Đức	14	1	15										
			Ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức	26		26										
			Ấp Xóm Bưng, xã Nhuận Đức	22	2	24										
			Ấp Bầu Trăn, xã Nhuận Đức	24	4	28										
			Cộng:	102	12	114	2	35		2				70		100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động		
									Số lớp			Số học sinh					
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS		Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%	
24	Phạm Văn Cội	Công lập	Ấp 1, xã Phạm Văn Cội	19	7	26											
			Ấp 2, xã Phạm Văn Cội	24	10	34											
			Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	29	20	49											
			Ấp 4, xã Phạm Văn Cội	16	8	24											
			Ấp 5, xã Phạm Văn Cội	13	4	17											
			Cộng:	101	49	150	5	30		5	5		3	150	90	100%	
25	An Nhơn Đông	Công lập	Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	25	2	27											
			Ấp Gò Nổi A, xã An Nhơn Tây	15		15											
			Ấp Lô 6, xã An Nhơn Tây	11	2	13											
			Ấp Xóm Mới (tổ 1 đến tổ 7, tổ 9, 10), xã An Nhơn Tây	26	8	34											
			Ấp Bà Sòng, xã An Nhơn Tây	21	3	24											
			Ấp Bàu Đưng, xã An Nhơn Tây	6	7	13											
			Tổ 3, 4 ấp Canh Lý, xã Nhuận Đức	5		5											
			Cộng:	109	22	131	5	30		5			5	150	35	100%	
26	An Nhơn Tây	Công lập	Ấp Bến Muong, xã An Nhơn Tây	19	3	22											
			Ấp Gót Chàng, xã An Nhơn Tây	27	1	28											
			Ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây	24	2	26											
			Ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây	22	2	24											
			Ấp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây	20	4	24											
			Ấp Xóm Mới (tổ 8), xã An Nhơn Tây	3		3											
			Cộng:	115	12	127	5	32		5	5			160		100%	
27	An Phú I	Công lập	Ấp An Hòa, xã An Phú	29		29											
			Ấp Xóm Thuốc, xã An Phú	30		30											
			Cộng:	59		59	4	35		4	4		4	59	59		

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động	
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp				Số học sinh		
											Tăng cường ngoài giờ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú		
			Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%	
28	An Phú 2	Công lập	Ấp An Bình, xã An Phú	22													100%
			Ấp Xóm Chùa, xã An Phú	20													
			Ấp Phú Bình, xã An Phú	26													
			Ấp Phú Trung, xã An Phú	19													
			Cộng:	87		87	4	22		4					87		
29	Phú Mỹ Hưng	Công lập	Ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng	32	6	38											100%
			Ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng	27	6	33											
			Ấp Phú Thuận, xã Phú Mỹ Hưng	19	6	25											
			Ấp Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng	20	4	24											
			Cộng:	98	22	120	4	35		4	4			4	120	60	
30	Phú Hòa Đông	Công lập	Ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông	24	4	28											100%
			Ấp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông	16		16											
			Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông	26	3	29											
			Ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông	11	3	14											
			Ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông	21	3	24											
			Ấp Phú Bình, xã Phú Hòa Đông	21	3	24											
			Ấp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông	26	8	34											
			Ấp Phú Mỹ (tổ 18, 20), xã Phú Hòa Đông	4		4											
			Ấp Phú Hòa (tổ 26, 27, 28c), xã PHD	5		5											
			Tổ 7, 8 ấp Bốn Phú, xã Trung An	5		5											
			Cộng:	159	24	183	6	35	0	6	0	0	6	210	100		

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Số lớp				Số học sinh	
											Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú			Tổng số HS
34	Hòa Phú	Công lập	Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%
Ấp 2A, xã Hòa Phú			11	8	19											
Ấp 3, xã Hòa Phú			29	15	44											
Ấp 4, xã Hòa Phú			19	10	29											
Ấp 5, xã Hòa Phú			31	13	44											
		Cộng:	149	80	229	7	35		7				7	245	50	100%
35	Bình Mỹ	Công lập	Ấp 6A, xã Bình Mỹ	7	45	52										
			Ấp 6B, xã Bình Mỹ	4	36	40										
			Ấp 7, xã Bình Mỹ	7	46	53										
			Ấp 8, xã Bình Mỹ	11	39	50										
			Cộng:	29	166	195	4	35		4				4	195	50
36	Bình Mỹ 2	Công lập	Ấp 1, xã Bình Mỹ	5	25	30										
			Ấp 2, xã Bình Mỹ	10	17	27										
			Ấp 3, xã Bình Mỹ	6	15	21										
			Ấp 4A, xã Bình Mỹ	23	50	73										
			Ấp 4B, xã Bình Mỹ	13	30	43										
		Cộng:	24	52	76											
37	Tân Thạnh Đông	Công lập	Ấp 1, xã Tân Thạnh Đông	41	9	50										
			Ấp 2, xã Tân Thạnh Đông	28	9	37										
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Đông	10	8	18										
			Ấp 9, xã Tân Thạnh Đông	19	6	25										
			Ấp 10, xã Tân Thạnh Đông	31	10	41										
		Cộng:	13	4	17											
		Cộng:	16	6	22				6				6	210	20	100%

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Tỷ lệ huy động		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Số lớp					Số học sinh			
									Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Số lớp Bán trú	Tổng số HS		Trong đó số HS bán trú	
38	Tân Thạnh Đông 2	Công lập	Tổng cộng:	4570	1692	6262	201	35		201	53	1	144	6750	2723	100%	
			Áp 3A, xã Tân Thạnh Đông	32	3	35											
			Áp 3B, xã Tân Thạnh Đông	29	4	33											
			Áp 4, xã Tân Thạnh Đông	26	4	30											
			Áp 4A, xã Tân Thạnh Đông	28	2	30											
			Áp 5 tổ 10 đến tổ 12 và tổ 19, 20) xã TTĐ	20	2	22											
			Áp 7 (tổ 1 đến tổ 5), xã TTĐ	20	2	22											
			Áp 8, xã Tân Thạnh Đông	40	3	43											
			Áp 9A, xã Tân Thạnh Đông	14	1	15											
			Cộng:	209	21	230	6	40		6		2	230	80		100%	
39	Tân Thạnh Đông 3	Công lập	Áp 5 (tổ 1 đến 9; tổ 13 đến 18), xã TTĐ	30		30											
			Áp 6 (từ đường 123 đến đường 130), xã TTĐ	25	17	42											
			Áp 6A, xã Tân Thạnh Đông	28	15	43											
			Áp 7 (tổ 6 đến tổ 14), xã Tân Thạnh Đông	20	9	29											
			Áp 7A, xã Tân Thạnh Đông	21	8	29											
			Áp 12 (tổ 1, tổ 11), xã T.T. Đông	11	3	14											
			Cộng:	135	52	187	5	38		5		5	187	30		100%	
40	TH-THCS Tân Trung	Công lập	Áp 1A, xã Tân Thạnh Tây	20	14												
			Áp Thạnh An, xã Trung An	61	36												
			Áp 6, xã TTĐ	29	18												
			Áp 12, xã TTĐ	24	20												
			Cộng:	134	88	222	5	44									
41	Huỳnh Văn Cọ	Công lập	Khu phố 2: Tổ 5, 6, 7, 8, 9	34	20	54											
			Khu phố 5	30	21	51											
			Cộng:	64	41	105	3	35		3		3	105	50		100%	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Cử Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
	Tổng cộng:		53	1815	446	
1	TH Thị trấn Cử Chi	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
2	TH Phú Mỹ Hưng	Công lập	4	120	35	Tăng cường Tiếng Anh
3	TH Phạm Văn Cội	Công lập	5	150	30	Tăng cường Tiếng Anh
4	Tiểu học An Phú 1	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh
5	TH Trung An	Công lập	6	240	40	Tăng cường Tiếng Anh
6	TH Trần Văn Châm	Công lập	1	33	33	Tăng cường Tiếng Anh
7	TH Phước Hiệp	Công lập	6	210	35	Tăng cường Tiếng Anh
8	TH Nhuận Đức	Công lập	3	90	30	Tăng cường Tiếng Anh
9	TH Tân Phú Trung	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
10	TH Tân Phú	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
11	TH Tân Thông	Công lập	6	218	36	Tăng cường Tiếng Anh
12	TH Thị trấn Cử Chi 2	Công lập	4	139	35	Tăng cường Tiếng Anh
13	TH An Nhơn Tây	Công lập	5	160	32	Tăng cường Tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: “DẠY VÀ HỌC
CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”
TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:					
1	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4 : BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số: 4188 /QĐ-UBND ngày 45 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6		
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú			
		TỔNG CỘNG	8578	186	1064	40	146	16	1	0	8578		
1	Tân Phú Trung	Trường TH Tân Phú	324										
		Trường TH Nguyễn Thị Lắng	250										
		Trường TH Tân Phú Trung	375										
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã T.P. Trung)	4										
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã T.P. Trung)	1										
		CỘNG	949	18	45	18	0	0	0	0	0	949	
2	Tân Thông Hội	Trường TH Tân Thông	317										
		Trường TH Tân Thông Hội	141										
		CỘNG	458	10	45	0	10	4	0	0	458		
3	Tân Tiến	Trường TH Tân Tiến	319										
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi (HK xã T.T. Hội)	6										
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (HK xã T.T. Hội)	1										
		Trường TH Tân Thành (HK, tạm trú xã T.T. Hội)	4										
		CỘNG	360	8	45		8	0	0	0	360		

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp				Tổng số hs tuyển vào lớp 6		
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp		Bản trú	
4	Thị trấn	Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (tạm trú TTCC)	62									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi (tạm trú TTCC)	6									
		Trường TH Tân Thành (Áp Cây Sộp, xã TAH)	33									
		Trường TH Tân Thành (tạm trú TTCC)	99									
		Trường TH Lê Thị Pha	133									
		CỘNG	333	7	35		7	0	0	0	333	
5	Thị trấn 2	Trường TH Thị trấn Cù Chi (Hộ khẩu TTCC)	235									
		Trường TH Tân Thành (HK TTCC)	109									
		TH Huỳnh Văn Cọ (HK Thị trấn)	48									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (HK TTCC)	44									
		CỘNG	436	9	45		9	4	1		436	
			Trường TH Phước Vĩnh An	160								
6	Phước Vĩnh An	Trường TH Trần Văn Chằm	206									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi (có HK hoặc tạm trú xã PVA)	5									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (có HK hoặc tạm trú xã PVA)	1									
		TH Tân Thành (HK hoặc tạm trú xã PVA)	9									
		CỘNG	381	8	45		8	0	0	0	381	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6		
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú			
7	Tân An Hội	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	165										
		Trường TH Liên Minh Công Nông	200										
		TH Thị trấn Cù Chi (có HK, tạm trú xã T.A Hội)	20										
		TH Huỳnh Văn Cọ (HK Tân An Hội)	2										
		TH Thị trấn Cù Chi 2 (có HK, tạm trú xã T.A Hội)	9										
		CỘNG	396	9	45	0	0	0	0	0	396		
8	Phước Hiệp	Trường TH Phước Hiệp	233										
		Trường TH TT Cù Chi (có HK hoặc tạm trú xã Phước Hiệp)	2										
		CỘNG	235	6	45	0	6	0	0	0	235		
9	Phước Thạnh	Trường TH Thị trấn Cù Chi (có HK xã Phước Thạnh)	1										
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (có HK xã Phước Thạnh)	1										
		Trường TH Phước Thạnh	232										
		Trường TH An Phước	116										
		CỘNG	350	8	45	0	8	0	0	0	350		
10	Nguyễn Văn Xơ	Trường TH Thái Mỹ	260										
		Trường TH Thị trấn Cù Chi (HK xã Thái Mỹ)	2										
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (HK xã Thái Mỹ)	1										
		CỘNG	263	6	45		6	0	0	0	263		

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chi tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp				Tổng số hs tuyển vào lớp 6		
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp		Bản trú	
	11 Trung Lập Hạ	Trường TH Lê Văn Thề	200									
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã TLH)	5									
		Trường TH Tân Thành (HK xã TLH)	3									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (tạm trú xã TLH)	1									
		CỘNG	209	5	45		5	0	0	0	209	
	12 Trung Lập	Trường TH Trung Lập Thượng	117									
		Trường TH Trung Lập Hạ	198									
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã T.L. Thượng)	3									
		CỘNG	318	7	45		7	0	0	0	318	
		Trường TH An Nhơn Tây	157									
	13 An Nhơn Tây	Trường TH An Nhơn Đông	179									
		Trường TH Thị trấn Cù Chi 2 (có hộ khẩu xã ANT)	1									
		CỘNG	337	8	45		8	4	0	0	337	
		Trường TH An Phú 1	112									
		Trường TH An Phú 2	86									
	14 An Phú	CỘNG	198	4	45		4	0	0	0	198	
		Trường TH Phú Mỹ Hưng	114									
		CỘNG	114	3	38	0	3	0	0	0	114	
		Trường TH Nhuận Đức	99									
		Trường TH Nhuận Đức 2	59									
	16 Nhuận Đức	Trường TH TT Cù Chi (HK xã Nhuận Đức)	1									
		CỘNG	159	5	45	0	4	0	0	0	159	
		Trường TH Phạm Văn Cội	262									
		Trường TH TT Cù Chi (HK xã Phạm Văn Cội)	1									
		CỘNG	263	6	45	0	6	3	0	0	263	
	17 Phạm Văn Cội											

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp				Tổng số hs tuyển vào lớp 6			
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp		Bán trú		
18	Phú Hòa Đông	Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Phú Hoà Đông)	2										
		Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (HK xã Phú Hoà Đông)	1										
		Trường TH Phú Hòa Đông	282										
		Trường TH Phú Hòa Đông 2	178										
		CỘNG	463	10	46	0	10	0	0	0	0	463	
19	Tân Thạnh Tây	Trường TH Tân Thạnh Tây	210										
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (có HK xã Tân Thạnh Tây)	1										
		CỘNG	211	4	45		5	1	0	0	0	211	
20	Tân Thạnh Đông	Trường TH Tân Thạnh Đông	278										
		Trường TH Tân Thạnh Đông 2	313										
		Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 1,2,3,4,5, Ấp 6A, Ấp 7, Ấp 7a, 8 xã TTD)	149										
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi (có HK Ấp 1,2,3,4,5, Ấp 6A, Ấp 7, Ấp 7a, 8 xã TTD)	1										
		CỘNG	741	16	45	16	0	0	0	0	0	741	
21	TH - THCS Tân Trung	Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 6, 12 xã Tân Thạnh Đông)	41										
		Trường TH Trung An (HK, tạm trú ở ấp Thạnh An, xã Trung An)	9										
		Trường TH Tân Thạnh Tây (HK tổ 1; 1A, xã Tân Thạnh Tây)	1										
		Trường TH-THCS Tân Trung	313										
		CỘNG	364	6	50	6	0	0	0	0	0	313	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Ghi chú	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp			Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số hs tuyển vào lớp 6			
		Trường TH Trung An (HK ấp Chợ, An Bình, Bốn Phú, An Hòa, Hội Thạnh xã Trung An và tạm trú xã Trung An)	297											
22	Trung An		297	6	40	0	6	0	0	0	297			
23	Hòa Phú	Trường TH Hòa Phú	303											
			303	7	45	0	7	0	0	0	303			
24	Bình Hòa	Trường TH Thị trấn Cù Chi (hệ khẩu xã Bình Mỹ)	1											
			Trường TH Bình Mỹ	152										
			Trường TH Bình Mỹ 2	287										
		CỘNG	440	10	45	0	10	0	0	0	440			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 5A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Củ Chi)

STT	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	LOẠI HÌNH	SỐ LỚP TĂNG CƯỜNG	SỐ HỌC SINH	SỐ SỐ LỚP	GHI CHÚ
	Tổng cộng		16	626	40	
1	Tân Thông Hội	Công lập	4	140	38	Tăng cường tiếng Anh
2	Thị Trấn 2	Công lập	4	160	40	Tăng cường tiếng Anh
3	An Nhơn Tây	Công lập	4	166	42	Tăng cường tiếng Anh
4	Tân Thạnh Tây	Công lập	1	40	40	Tăng cường tiếng Anh
5	Phạm Văn Cội	Công lập	3	120	40	Tăng cường tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

PHỤ LỤC 5B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 THEO ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP:
“DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP
CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM”

NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số:

/QĐ-UBND ngày tháng

năm 2023 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Trường trung học cơ sở	Loại hình	Số lớp thực hiện	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:					
1	Thị Trấn 2	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CỬ CHI,
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số:

/QĐ-UBND ngày

tháng

năm 2023 của UBND huyện Cử Chi)

STT	Trường	Số lượng học sinh huy động	Ghi chú
	Tổng số:		
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	870	
2	Trung cấp nghề Cử Chi	400	
		470	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

